



(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẢNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11) 
1-0021087

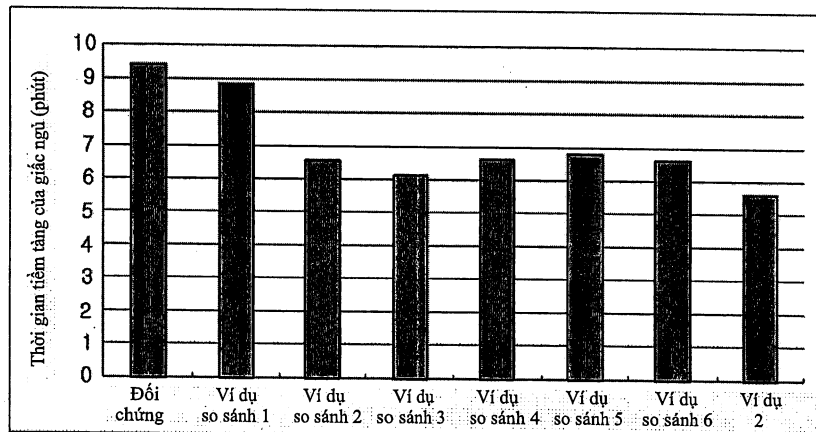
(51)⁷ C11B 9/00

(13) B

- (21) 1-2011-03148 (22) 28.09.2009
(86) PCT/KR2009/005523 28.09.2009 (87) WO2010/134670A1 25.11.2010
(30) 10-2009-0043726 19.05.2009 KR
(45) 25.06.2019 375 (43) 30.01.2012 286
(73) AMOREPACIFIC CORPORATION (KR)
181, Hangang-ro 2ga, Yongsan-gu, Seoul 140-777, Republic of Korea
(72) JEON, Byeong Bae (KR), SEO, Hyung Jye (KR), HONG, Yeon Ju (KR), CHOI, Ji Young (KR), KWON, Mi Jung (KR)
(74) Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ WINCO (WINCO CO., LTD.)

(54) CHẾ PHẨM CÓ MÙI THƠM CÓ TÁC DỤNG GÂY NGỦ

(57) Sáng chế đề cập đến chế phẩm có mùi thơm chứa các dầu tự nhiên, bao gồm dầu hoa hồng và dầu đàn hương, và có tác dụng gây ngủ. Sáng chế cũng đề cập đến chế phẩm có mùi thơm chứa dầu hoa hồng, dầu đàn hương, dầu hoa cam và dầu ngọc lan tây và tạo ra môi trường ngủ dễ chịu bằng cách sử dụng tác dụng gây ngủ của các dầu thơm tự nhiên này.



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

Sáng chế đề cập đến chế phẩm có mùi thơm chứa các dầu tự nhiên bao gồm dầu hoa hồng và dầu đàn hương, và có tác dụng gây ngủ. Cụ thể hơn, sáng chế đề cập đến chế phẩm có mùi thơm chứa dầu hoa hồng, dầu đàn hương, dầu hoa cam và dầu ngọc lan tây và tạo ra môi trường ngủ dễ chịu bằng cách sử dụng tác dụng gây ngủ của các dầu thơm tự nhiên này.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

Việc cải thiện chất lượng cuộc sống, bao gồm cả môi trường và sức khỏe, là một trong những thách thức lớn nhất đối với nhân loại trong thế kỷ 21. Do đó, cần phát triển các sản phẩm ưu tiên ở mức cao để tạo ra môi trường có khả năng nâng cao chất lượng cuộc sống cho con người và cần thiết cho cuộc sống dễ chịu. Cụ thể, đáp ứng cơ thể và đáp ứng cảm xúc của con người thay đổi theo điều kiện môi trường xung quanh cần được xác định để áp dụng cho việc phát triển sản phẩm.

Nhằm mục đích này, các nghiên cứu về sự tạo cảm xúc tập trung vào việc xác định mối quan hệ giữa các sản phẩm và trạng thái cảm xúc cũng như trạng thái sinh lý của con người bằng cách quan sát đáp ứng cảm xúc và đáp ứng sinh lý của con người đối với các sản phẩm này hiện đang được tiến hành tích cực ở Hàn Quốc và các nước khác. Các nghiên cứu liên quan đến cảm xúc được tiến hành chủ yếu đối với cơ quan thị giác và thính giác, nhưng vẫn là chưa đủ đối với cơ quan khứu giác (cảm nhận về mùi).

Cơ quan khứu giác là cơ quan cảm nhận hóa chất, không giống như các cơ

quan khác (cơ quan thị giác và thính giác), và do đó khó nghiên cứu vì cần phải kiểm soát sự kích thích chính xác, và ngoài ra còn có sự dẫn truyền thần kinh đến não diễn ra đồng thời với sự thể hiện của chất kích thích mùi, sự đánh giá cảm xúc tinh thần và sự thay đổi sinh lý (hệ thần kinh trung ương và hệ thần kinh tự chủ).

Con người thường cảm thấy mùi thơm kích thích khứu giác trong cuộc sống hàng ngày của họ, và cảm xúc của con người bị ảnh hưởng bởi nhiều loại mùi khác nhau, bao gồm cả mùi thơm và mùi khó chịu. Gần đây, các nghiên cứu về sự ảnh hưởng của mùi cây (như tỏi) và mùi khó chịu (như amoniac) đối với tác dụng sinh lý ngoài các nghiên cứu về sự ảnh hưởng của gel tắm màu xanh lá cây hoặc sự ảnh hưởng của pheromon đối với tập tính sinh dục của động vật đã được tiến hành.

Sự xung động mùi được truyền đến hệ limbic qua các tế bào khứu giác của mũi để làm tăng thêm các yếu tố xúc cảm của cơ quan khứu giác, do đó tạo ra sự thay đổi cảm xúc và sinh lý như cảm giác vui mừng, cảm giác ốm, cảm giác tỉnh giấc hoặc cảm giác buồn ngủ. Hiện tượng này giải thích rằng khi con người ngửi thấy mùi nước hoa, cảm xúc mạnh được tạo ra, và khi con người ngửi thấy mùi khó chịu, xuất hiện các phản xạ bảo vệ như hắt hơi, và khi con người ngửi thấy các mùi như amoniac, sự hô hấp tạm thời ngừng lại. Như đã mô tả trên đây, khứu giác đóng vai trò lớn trong việc duy trì cuộc sống con người và khả năng phân biệt mùi.

Giấc ngủ là chức năng sinh lý quan trọng ở động vật có não phát triển và là hành vi thiết yếu của sự sống. Tất cả các sinh vật trên trái đất đều sống trong môi trường có sự xen kẽ giữa ngày và đêm. Việc đồng bộ hóa chu kỳ hàng ngày và sự lặp lại nhịp hoạt động và nghỉ ngơi theo chu kỳ hàng ngày này là chiến lược sinh tồn cơ bản nhất của các sinh vật. Do đó, tất cả các sinh vật đều có nhịp điệu sinh học ngày đêm trong cơ thể và bị cuốn theo chu kỳ môi trường.

Sự thiếu ngủ gây ra cảm giác buồn ngủ hoặc dễ cáu kỉnh hoặc làm giảm năng lượng thiết yếu, dẫn đến làm giảm chất lượng cuộc sống. Trong một số trường hợp, hiện tượng này có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng cuộc sống. Ngủ là một chức năng để ngăn ngừa các tình trạng này diễn ra, và do đó, giấc ngủ ngon là rất quan trọng.

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Do đó, các tác giả sáng chế đã tiến hành nghiên cứu để kiểm tra xem tinh dầu có tác dụng gây ngủ hay không. Các tác giả sáng chế đã tiến hành nghiên cứu để điều chế chế phẩm có mùi thơm, có tác dụng gây ngủ, chỉ sử dụng các hương thơm tự nhiên và, do đó, đã tiến hành phân tích thời gian tiềm tàng của giấc ngủ, giấc ngủ sóng ngắn, hiệu quả giấc ngủ và sự cử động của cơ thể đối với chế phẩm có mùi thơm chứa dầu hoa hồng, dầu đàn hương, dầu hoa cam và dầu ngọc lan tây.

Kết quả là, các tác giả sáng chế đã phát hiện ra rằng chế phẩm có mùi thơm theo sáng chế có tác dụng gây ngủ rất tốt đối với cơ thể người, và có độ ưu tiên cao, nhờ đó hoàn thành sáng chế.

Do đó, mục đích của sáng chế là đề xuất chế phẩm có mùi thơm có tác dụng gây ngủ.

Để đạt được mục đích nêu trên, sáng chế đề xuất chế phẩm có mùi thơm chứa dầu hoa hồng, dầu đàn hương, dầu hoa cam và dầu ngọc lan tây.

Mô tả vắn tắt các hình vẽ

Fig.1 là biểu đồ dạng cột thể hiện kết quả thu được bằng cách xác định thời gian tiềm tàng của giấc ngủ đối với mỗi ví dụ, nhóm đối chứng và các ví dụ so sánh

từ 1 đến 6.

Fig.2 là biểu đồ dạng cột thể hiện kết quả thu được bằng cách xác định góc ngủ sóng ngắn đối với mỗi ví dụ, nhóm đối chứng và các ví dụ so sánh từ 1 đến 6.

Fig.3 là biểu đồ dạng cột thể hiện kết quả thu được bằng cách xác định hiệu suất giấc ngủ đối với mỗi ví dụ, nhóm đối chứng và các ví dụ so sánh từ 1 đến 6.

Fig.4 là biểu đồ dạng cột thể hiện kết quả thu được bằng cách xác định tần suất cử động của cơ thể đối với mỗi ví dụ, nhóm đối chứng và các ví dụ so sánh từ 1 đến 6.

Mô tả chi tiết sáng chế

Chế phẩm có mùi thơm theo sáng chế chứa dầu hoa hồng với lượng nằm trong khoảng từ 40 đến 60% trọng lượng, dầu đàn hương với lượng nằm trong khoảng từ 10 đến 30% trọng lượng, dầu hoa cam với lượng nằm trong khoảng từ 10 đến 20% trọng lượng và dầu ngọc lan tây với lượng nằm trong khoảng từ 1 đến 10% trọng lượng, so với tổng trọng lượng của chế phẩm. Nếu hàm lượng các dầu trong chế phẩm này nằm ngoài khoảng nêu trên, không thể thu được tác dụng gây ngủ mong muốn.

Chế phẩm có mùi thơm theo sáng chế có thể được thêm vào các chế phẩm dùng ngoài da như nước hoa hoặc sản phẩm mỹ phẩm, và lượng chế phẩm thêm vào có thể được chọn một cách thích hợp bởi chuyên gia có trình độ trung bình trong lĩnh vực để đạt được hiệu quả mong muốn. Không có giới hạn cụ thể về các chế phẩm dùng ngoài da mà chế phẩm có mùi thơm có thể được thêm vào và chế phẩm có mùi thơm có thể được thêm vào chế phẩm bất kỳ đã biết trong lĩnh vực này. Ví dụ về các chế phẩm dùng ngoài da bao gồm mặt nạ, pomat, nước xức, pha

hòa tan, huyền phù, nhũ tương, kem, gel, dạng phun, dạng đắp, dạng dán, miếng dán, và chế phẩm dạng lỏng dùng ngoài da.

Sau đây, sáng chế sẽ được mô tả chi tiết thêm.

Dầu hoa hồng được sử dụng trong sáng chế là chất lỏng màu vàng thu được bằng cách chưng cất hoa hồng tự nhiên bằng hơi nước. Dầu này có tác dụng làm giảm căng thẳng thần kinh, an thần và làm giảm sự trầm cảm.

Dầu đàn hương được sử dụng trong sáng chế là chất lỏng nhớt màu vàng nhạt thu được bằng cách chặt cây đàn hương, loại bỏ cành và lá cây này, chẻ cây thành các mảnh nhỏ và làm khô các mảnh này. Dầu này có mùi thơm tự nhiên, có tác dụng chống trầm cảm, tăng dục, làm săn da và an thần.

Dầu hoa cam được sử dụng trong sáng chế là chất lỏng màu vàng thu được bằng cách chưng cất hoa cây cam chanh bằng hơi nước. Dầu này có tác dụng chống trầm cảm, khử khuẩn, chống co giật và tăng dục.

Dầu ngọc lan tây được sử dụng trong sáng chế là chất lỏng thu được bằng cách chưng cất dầu ngọc lan tây tự nhiên bằng nước. Dầu này có tác dụng chống trầm cảm, an thần, trương lực, tăng dục và khử khuẩn.

Trong khi đó, theo sáng chế, việc phân tích thời gian tiềm tàng của giấc ngủ, giấc ngủ sóng ngắn, hiệu quả giấc ngủ và sự cử động của cơ thể được tiến hành để xác nhận hiệu quả của chế phẩm có mùi thơm.

Như có thể thấy từ kết quả của các ví dụ thử nghiệm dưới đây, việc sử dụng hương thơm tự nhiên theo sáng chế làm rút ngắn thời gian tiềm tàng của giấc ngủ, làm tăng giấc ngủ sóng ngắn, tăng hiệu suất giấc ngủ và giảm số lần cử động của cơ thể.

Do đó, sáng chế có thể tạo ra chế phẩm có mùi thơm chứa hoạt chất là các

hương thơm tự nhiên trên đây.

Ví dụ thực hiện sáng chế

Sau đây, sáng chế sẽ được mô tả chi tiết thêm cùng với các ví dụ và ví dụ thử nghiệm. Tuy nhiên, cần hiểu rằng các ví dụ này chỉ nhằm mục đích minh họa và không được coi là làm giới hạn phạm vi của sáng chế.

Ví dụ 1: Chế phẩm có mùi thơm có tác dụng gây ngủ

Chế phẩm có mùi thơm được điều chế bằng cách sử dụng phương pháp thông thường theo thành phần được thể hiện trong Bảng 1 dưới đây, và tác dụng gây ngủ của chế phẩm này được thử nghiệm.

Bảng 1

Tỷ lệ trộn các dầu thơm trong chế phẩm có tác dụng gây ngủ (đơn vị: % trọng lượng)

Các thành phần	Ví dụ 1 (% trọng lượng)
Dầu hoa hồng	40
Dầu đàn hương	30
Dầu hoa cam	20
Dầu ngọc lan tây	10
Tổng	100

Ví dụ thử nghiệm 1: Xác định tác dụng gây ngủ của chế phẩm có mùi thơm

Để đánh giá một cách khách quan tác dụng gây ngủ của chế phẩm có mùi thơm theo sáng chế, chế phẩm có mùi thơm được thể hiện trong Bảng 1 trên đây được sử dụng để tiến hành phân tích thời gian tiềm tàng của giấc ngủ, giấc ngủ sóng ngắn, hiệu quả giấc ngủ và sự cử động của cơ thể. Phương pháp phân tích cụ

thể là như sau:

1. Đối tượng thử nghiệm

Các đối tượng thử nghiệm là 10 phụ nữ khỏe mạnh trong độ tuổi từ 20 đến 30, không sử dụng được chất và không bị mù mùi. Các đối tượng này được hướng dẫn để tránh tập luyện quá mức hoặc ăn uống quá nhiều vào ngày trước khi thử nghiệm và không hút thuốc lá và uống đồ uống, thuốc và ăn kẹo cao su là các chất sẽ ảnh hưởng đến hệ thần kinh trung ương và cơ quan khứu giác vào ngày thử nghiệm. Thử nghiệm được tiến hành có tính đến chu kỳ kinh nguyệt của các đối tượng, do đã có báo cáo rằng có mối quan hệ giữa sự thay đổi về mức độ cảm nhận hương thơm, chu kỳ kinh nguyệt và cảm giác của phụ nữ trong các thử nghiệm sử dụng phụ nữ làm đối tượng thử nghiệm.

2. Mẫu thử nghiệm

Các mẫu được sử dụng trong ví dụ thử nghiệm này là như sau: mặt nạ ngủ (Ví dụ 2) chứa chế phẩm có mùi thơm của Ví dụ 1; mặt nạ ít hương thơm thông thường (Ví dụ so sánh 2); mặt nạ thông thường chứa dầu hoa oải hương đã biết là có tác dụng gây ngủ (Ví dụ so sánh 2); mặt nạ thông thường chứa dầu hoa hồng (Ví dụ so sánh 3); mặt nạ thông thường chứa dầu đàn hương (Ví dụ so sánh 4); mặt nạ thông thường chứa dầu hoa cam (Ví dụ so sánh 5); mặt nạ thông thường chứa dầu ngọc lan tây (Ví dụ so sánh 6); và nhóm đối chứng không sử dụng mặt nạ. Thử nghiệm được tiến hành đối với 8 loại điều kiện bao gồm: điều kiện không sử dụng mặt nạ và các điều kiện trong đó mỗi loại trong số 7 loại mặt nạ được sử dụng. Đối với 7 loại điều kiện (loại trừ điều kiện không sử dụng mặt nạ), mỗi mặt nạ được đắp trực tiếp lên mặt sau khi rửa mặt. Sau khi đắp mặt nạ, các đối tượng được hướng dẫn cách ngủ. Trong khi ngủ, tiến hành đo đa ký giấc ngủ bằng cách xác định điện

não đồ (EEG), điện nhãn đồ (EOG), điện cơ đồ (EMG) cảm và điện tâm đồ (ECG).

Các chế phẩm dạng mặt nạ mỹ phẩm được sử dụng trong Ví dụ 2 và các Ví dụ so sánh từ 1 đến 6 được thể hiện trong Bảng 2 dưới đây.

Bảng 2

Chế phẩm dạng mặt nạ mỹ phẩm

Thành phần	Ví dụ 2	Ví dụ so sánh 1	Ví dụ so sánh 2	Ví dụ so sánh 3	Ví dụ so sánh 4	Ví dụ so sánh 5	Ví dụ so sánh 6
1. Nước tinh khiết	cho đủ 100	cho đủ 100	cho đủ 100	cho đủ 100	cho đủ 100	cho đủ 100	cho đủ 100
2. Xyclopentasiloxan	6,30	6,30	6,30	6,30	6,30	6,30	6,30
3. Butylen glycol	6,00	6,00	6,00	6,00	6,00	6,00	6,00
4. Glyxerin	2,10	2,10	2,10	2,10	2,10	2,10	210
5. Trehaloza	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00	2,00
6. Dimethicon/Cross polyme vinyl dimethicon	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
7. Dimethiconol	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20
8. Dinatri EDTA	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
9. Amoni Acryloyldimetyltaurat/ Copolyme VP	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50	0,50
10. carbome	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20
11. Trietanolamin	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40	0,40
12. Polysorbat 20	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60	0,60
13. Metyl paraben	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20	0,20
14. Clophenesin	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30	0,30

15. Hương thơm (Ví dụ 1)	0,10	-	-	-	-	-	-
16. Hương thơm (dầu hoa oải hương)	-	-	0,10	-	-	-	-
17. Hương thơm (dầu hoa hồng)	-	-	-	0,10	-	-	-
18. Hương thơm (dầu đàn hương)	-	-	-	-	0,10	-	-
19. Hương thơm (dầu hoa cam)	-	-	-	-	-	0,10	-
20. Hương thơm (dầu ngọc lan tây)	-	-	-	-	-	-	0,10

3. Điều kiện thử nghiệm

Thử nghiệm được tiến hành trong phòng thí nghiệm về giấc ngủ (4,8m x 3m x 2,4m) được xây dựng bởi tác giả sáng chế. Để loại bỏ sự ảnh hưởng của môi trường bên ngoài trong khi thử nghiệm, thiết bị cách âm được tạo ra trong buồng thí nghiệm này. Buồng thí nghiệm được duy trì ở nhiệt độ không đổi 24⁰C và độ ẩm 40%.

4. Phương pháp thử nghiệm

Các tín hiệu sinh lý trong khi ngủ, tín hiệu EEG, EOG, EMG cằm, và ECG được xác định bằng cách sử dụng hệ thống đa ký giấc ngủ. Ngoài ra, sự cử động của cơ thể được xác định bằng cách sử dụng thiết bị Actiheart (sản phẩm của công ty Mini Mitter Company, Inc.).

5. Quy trình thử nghiệm

Thử nghiệm được tiến hành đối với 8 loại điều kiện bao gồm: điều kiện không sử dụng mặt nạ và các điều kiện trong đó mỗi loại trong số 7 loại mặt nạ được sử dụng. Trong thử nghiệm này, mỗi mặt nạ được đắp trực tiếp lên mặt sau khi rửa mặt. Sau khi đắp mặt nạ, các đối tượng được hướng dẫn cách ngủ. Để loại

bỏ sự ảnh hưởng của việc sử dụng mẫu theo thứ tự đối với giấc ngủ, các mẫu được sử dụng ngẫu nhiên cho mỗi đối tượng. Trước khi tiến hành thử nghiệm, các đối tượng được hướng dẫn cách ngủ 1-2 lần trong phòng thí nghiệm giấc ngủ để thích nghi với phòng này. Thời gian ngủ là 2 giờ và các đối tượng được hướng dẫn cách ngủ đồng thời.

6. Phương pháp phân tích

Trong quá trình ngủ của đối tượng, các tín hiệu sinh lý được xác định bằng cách dùng hệ thống đa ký giấc ngủ, và các giai đoạn của giấc ngủ được phân tích bằng cách sử dụng tín hiệu đo được. Các giai đoạn của giấc ngủ được phân loại theo tiêu chuẩn được chấp nhận trên quốc tế của Rechtschaffen và Kales (1968).

Bằng cách sử dụng các giai đoạn của giấc ngủ đã phân loại, thời gian tiềm tàng của giấc ngủ, giấc ngủ sóng ngắn và hiệu quả giấc ngủ được so sánh giữa các mẫu, và số lần cử động của cơ thể được so sánh giữa các mẫu. Tiến hành phân tích thống kê bằng cách sử dụng chương trình SPSS bằng thử nghiệm ANOVA, thử nghiệm t và thử nghiệm Turkey.

7. Kết quả thử nghiệm

7.1. Xác định thời gian tiềm tàng của giấc ngủ

Thời gian tiềm tàng của giấc ngủ là thời gian từ khi bắt đầu lên giường ngủ đến khi ngủ thiếp đi. Đối với mỗi mẫu, thời gian (phút) cần thiết để ngủ thiếp đi được đánh giá, và kết quả đánh giá được thể hiện trên Fig.1.

Như có thể thấy từ các kết quả trên Fig.1, thời gian tiềm tàng trung bình của giấc ngủ là dài nhất trong trường hợp nhóm đối chứng (nhóm không sử dụng mặt nạ), và thời gian đến khi ngủ thiếp đi là ngắn nhất trong trường hợp Ví dụ 2 sử dụng chế phẩm chứa dầu thơm.

7.2. Xác định giấc ngủ sóng ngắn

Giấc ngủ sóng ngắn dùng để chỉ giai đoạn 3 và 4 của giấc ngủ và là giai đoạn ngủ sâu. Tỷ lệ của giấc ngủ sóng ngắn với tổng thời gian ngủ được đánh giá đối với mỗi mẫu, và các kết quả đánh giá được thể hiện trên Fig.2.

Như có thể thấy từ các kết quả được thể hiện trên Fig.2, giấc ngủ sóng ngắn trung bình là ngắn nhất trong trường hợp Ví dụ so sánh 1 và dài nhất trong trường hợp Ví dụ 2 sử dụng chế phẩm chứa dầu thơm.

7.3. Xác định hiệu quả giấc ngủ

Hiệu quả giấc ngủ là tỷ lệ của tổng thời gian ngủ với thời gian ở trên giường. Hiệu quả này được đánh giá đối với mỗi mẫu và các kết quả đánh giá được thể hiện trên Fig.3.

Như có thể thấy từ các kết quả được thể hiện trên Fig.3, hiệu quả ngủ trung bình là thấp nhất đối với nhóm đối chứng và hiệu quả cao nhất trong trường hợp Ví dụ 2 sử dụng chế phẩm chứa dầu thơm.

7.4. Xác định tần suất cử động của cơ thể

Tần suất cử động của cơ thể là số lần cử động của mỗi đối tượng trong khi ngủ. Giá trị này được xác định bằng cách sử dụng dụng cụ đo sự cử động của cơ thể và các kết quả được thể hiện trên Fig.4.

Như có thể thấy từ các kết quả được thể hiện trên Fig.4, trong điều kiện Ví dụ so sánh 1, có khoảng 18 lần cử động trong thời gian thử nghiệm, và số lần cử động này là nhiều nhất trong số 8 điều kiện. Cụ thể, trong điều kiện Ví dụ 2 sử dụng chế phẩm chứa dầu thơm, số lần cử động trong khi ngủ được giảm đáng kể so với các điều kiện còn lại.

Hiệu quả của sáng chế

Sáng chế đề xuất chế phẩm có mùi thơm chứa dầu hoa hồng, dầu đàn hương, dầu hoa cam và dầu ngọc lan tây. Khi chế phẩm này được sử dụng trong các sản phẩm mỹ phẩm, nó có thể có tác dụng gây ngủ bằng cách tạo ra môi trường ngủ dễ chịu cho người dùng.

YÊU CẦU BẢO HỘ

1. Chế phẩm có mùi thơm chứa dầu hoa hồng với lượng nằm trong khoảng từ 40% đến 60% trọng lượng, dầu đàn hương với lượng nằm trong khoảng từ 10% đến 30% trọng lượng, dầu hoa cam với lượng nằm trong khoảng từ 10% đến 20% trọng lượng và dầu ngọc lan tây với lượng nằm trong khoảng từ 1% đến 10% trọng lượng, so với tổng trọng lượng của chế phẩm này.

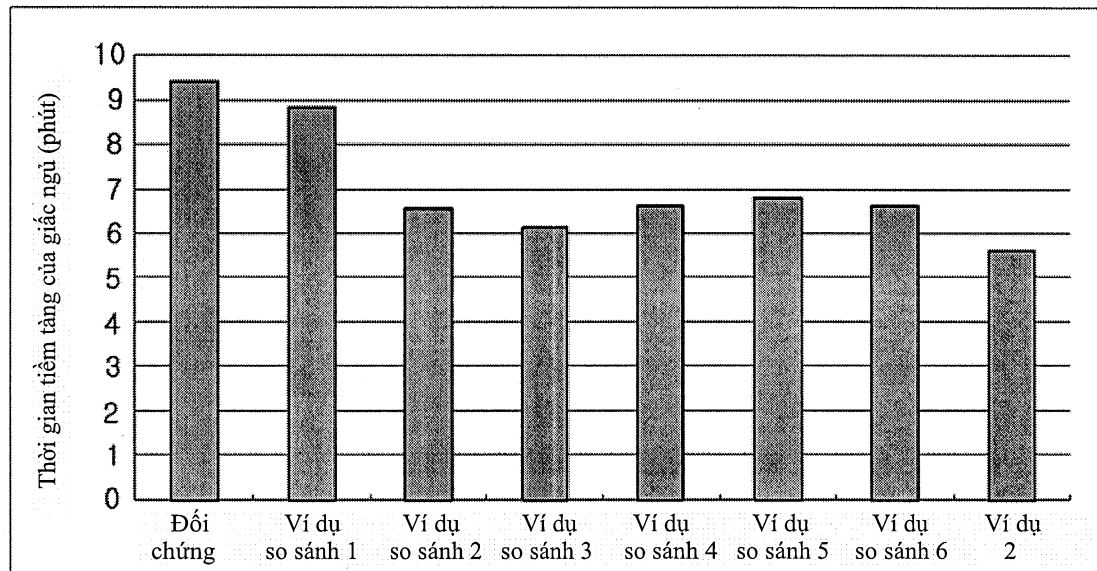
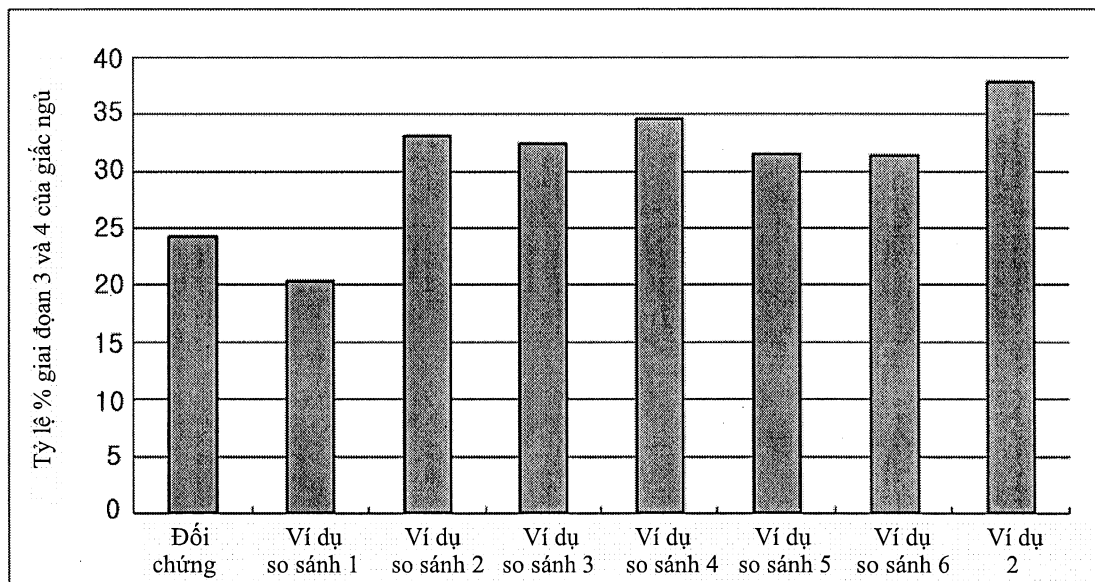
Fig.1**Fig.2**

Fig.3

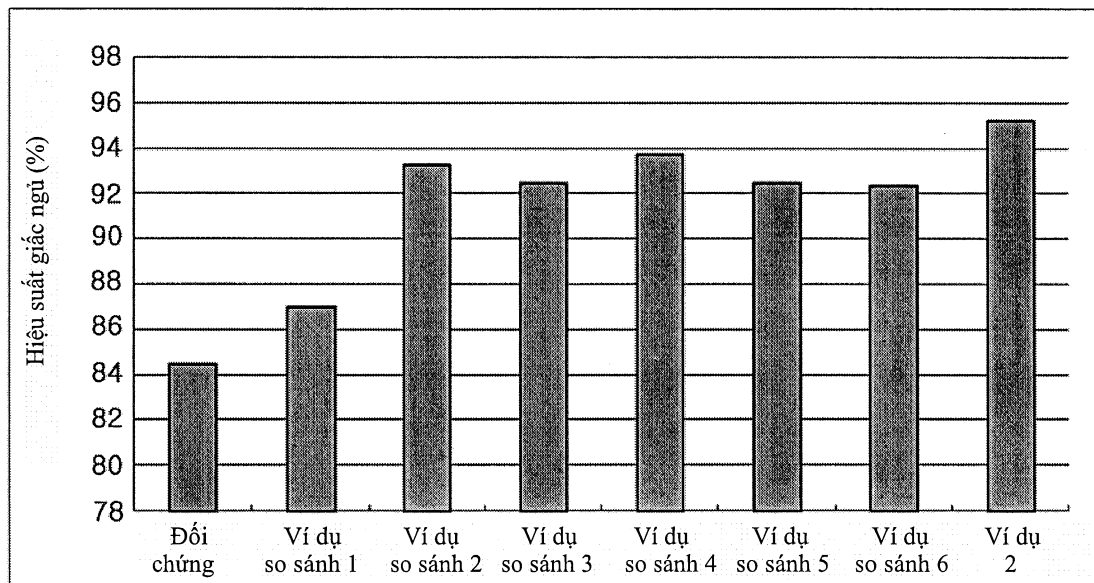


Fig.4

